TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 21-6- 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn
2. Bà Trần Thị Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa:*** Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 41/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST -DS ngày 22 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1965 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐL, xã TG, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn:
1. Bà Trịnh Thị B, sinh năm: 1946 (vắng mặt)
2. Anh Trần Văn L1, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Đều cùng địa chỉ: Thôn ĐL, xã TG, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Xuất phát từ quan hệ họ hàng với nhau nên ngày 15/12/2019 âm lịch tức ngày 09/01/2020 dương lịch bà có cho bà Trịnh Thị B và anh Trần Văn L1 vay số tiền 230.000.000đ. Đến ngày 21/8/2020 anh L1 vay tiếp số tiền 6.000.000đ. Khi vay anh L1, bà B và bà L thỏa thuận với nhau khi nào bà L cần thì báo trước cho bà B, anh L1. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng.

Quá trình vay, bà B và anh L1 không trả lãi cho bà. Mặc dù bà đã nhiều lần nhắc nhở, bà B, anh L1 liên tục khất nợ nhưng đều thất hứa và đến nay vẫn không trả cho bà một đồng nào kể cả tiền nợ gốc và tiền lãi. Bà có thông báo yêu cầu bà B, anh L1 thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên bà B, anh L1 cố tình lảng tránh, không có ý định trả lại số tiền nợ gốc và lãi cho bà.

Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa giải quyết: Buộc bà Trịnh Thị B, anh Trần Văn L1 phải hoàn trả đủ số tiền nợ vay từ ngày 15/12/2019 cho bà, gồm nợ gốc: 230.000.000đ, lãi từ ngày 15/12/2019 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 82.800.000đ, tổng nợ là 318.000.000đ, lãi phát sinh từ tháng 12/2022 đến thời điểm xét xử và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bà Trịnh Thị B, anh Trần Văn L1. Mặc dù bà B, anh L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến gì. Anh L1, bà B không đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/4/2023 của bà Trịnh Thị B, thể hiện: bà đồng ý với số tiền vay như nguyên đơn khởi kiện, nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà đề nghị bà L không tính tiền lãi cho bà và anh L1.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bà Trịnh Thị B, anh Trần Văn L1 tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn ĐL, xã TG, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm 02 giấy vay tiền:

- Giấy vay tiền thứ nhất do chính bà Nguyễn Thị L tự viết vào ngày 15/12/2019 âm lịch với nội dung: "cháu Lương, đội 15 vay cậu mợ Tải Lâm số tiền mặt 230.000.000đ bằng chữ là hai trăm triệu đồng chẵn ngày 15/12 âm 2019 và cháu gửi cậu mợ một sổ đỏ nhà đất để làm bằng, lãi 1%, người cho vay Tải Lâm, người vay ký tên Lương, Bồi".

- Giấy vay tiền thứ hai do chính anh Trần Văn L1 viết và ký vào ngày 21/8/2020 với nội dung: "Hôm nay ngày 21/8/2020 cháu L1 có vay của mợ Lâm 6.000.000 (sáu triệu đồng) đến ngày 30/8/2020 cháu trả cả gốc lẫn lãi. Nếu sai cháu xin chịu hoàn toàn trách nhiệm".

Hội đồng xét xử xem xét về tính pháp lý của giấy vay tiền:

Thứ nhất: Giấy vay tiền ngày 15/12/2019 âm lịch do bà Nguyễn Thị L viết, đến nay bà B, anh L1 không có ý kiến gì về giấy vay tiền này.

Giấy vay tiền ngày 21/8/2020 do chính anh Trần Văn L1 viết, anh L1 không có ý kiến gì về giấy vay tiền này.

Thứ hai: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L1 không có mặt, bà B công nhận toàn bộ khoản nợ đã vay của bà L và cam đoan chịu trách nhiệm đôn đốc cùng anh L1 trả nợ.

Mặt khác, tại Giấy cam kết trả nợ cho bà Nguyễn Thị L thì anh Trần Văn L có viết: "Tôi Trần Văn L1 có nợ của bà L 236 triệu. Tôi hứa trả dần từ tháng 3 là ngày 25/3/2023 trả 4 triệu, từng tháng một cho đến hết nợ" có chữ ký, chữ viết của anh Trần Văn Lương, bà Trịnh Thị Bồi.

Từ những căn cứ đã phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà B, anh L1 còn nợ bà L số tiền 236.000.000đ tiền gốc là đúng thực tế. Nay bà L khởi kiện, bà B, anh L1 không hợp tác thỏa thuận để đưa ra phương án giải quyết. Do đó, bà L yêu cầu buộc bà B, anh L1 phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Về số nợ lãi: Theo giấy vay tiền ngày 15/12/2019 âm lịch (tức ngày 09/01/2020 dương lịch) các bên thỏa thuận tiền lãi là 1%/tháng. Thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá mức lãi suất tối đa được quy định tại Khoản 1 Điều 468 BLDS nên được chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi được tính từ ngày 09/01/2020 đến ngày xét xử 21/6/2023 là 1258 ngày với số tiền lãi là: 230.000.000đ x 1258 ngày x 1%/tháng = 96.447.000đ.

Đối với số tiền 6.000.000đ bà L không yêu cầu tính lãi, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

Vậy, tổng cộng cả gốc và lãi, buộc bà Trịnh Thị B, anh Trần Văn L1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 230.000.000đ + 96.447.000đ + 6.000.000đ = 332.447.000đ.

[4]. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Đối với khoản nợ vay ngày 15/12/2019 âm (tức ngày 09/01/2020) bà Trịnh Thị B, anh Trần Văn L1 vay của bà Nguyễn Thị L mục đích là cùng sử dụng chung nên bà B, anh L1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách thanh toán cho bà L, cụ thể anh B, bà L1 mỗi người phải chịu trách nhiệm trả 1/2 số tiền nợ gốc, lãi, chia theo phần như sau:

(230.000.000đ + 96.447.000đ) : 2 = 163.223.500đ.

Như vậy bà B, anh L1 mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 163.223.500đ.

- Đối với khoản nợ vay ngày 21/8/2020 anh Trần Văn L1 vay của bà Nguyễn Thị L mục đích sử dụng cho cá nhân nên anh L1 phải chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị L.

Tổng các khoản anh Trần Văn L1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L là 169.223.500đ.

[5]. Về án phí: Anh Trần Văn L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Trịnh Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; 271; 273 của BLTTDS; Điều 463; 464; 466 BLDS; khoản 2 Điều 26; Khoản 2 Điều 26 (áp dụng đối với anh Trần Văn L1); điểm đ Khoản 1 Điều 12 (áp dụng đối với bà Trịnh Thị B) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Trịnh Thị B, anh Trần Văn L1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà NguyễnThị L tính đến ngày 21/6/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền 332.447.000đ (ba trăm ba mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Cụ thể chia theo phần:

Anh Trần Văn L1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 169.223.500đ.

Bà Trịnh Thị Bồi phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 163.223.500đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà B, anh L1 không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng bà B, anh L1 còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Anh Trần Văn L1 phải chịu án phí DSST là 8.461.175đ.

Bà Trịnh Thị B là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí DSST.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.950.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006095 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Liên